TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 397/2019/QĐST-HNGĐ	*Thủ Dầu Một, ngày 05 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 395/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*:

1. Bà Phạm Thị Lan A, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã X, thành phố C, tỉnh Cà Mau; địa chỉ tạm trú: Đường N3, Khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Ông Lâm Thanh P, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Ấp B, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau; địa chỉ tạm trú: Đường N3, Khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Thanh P và bà Phạm Thị Lan A chung sống và đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 02 năm 2017 tại UBND xã X, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Ông P và bà A xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do ông

P và bà A đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Qúa trình chung sống ông Lâm Thanh P và bà Phạm Thị Lan A có 01 con chung là Lâm Phạm Yến N, sinh ngày 22/11/2018. Ông P và bà A thỏa thuận giao con chung Lâm Phạm Yến N, sinh ngày 22/11/2018 cho bà Phạm Thị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Thỏa thuận của ông P, bà A phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lâm Thanh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Lâm Phạm Yến N, sinh ngày 22/11/2018 mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ra quyết định cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thỏa thuận của ông P, bà A phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Thanh P và bà Phạm Thị Lan A thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung Lâm Phạm Yến N, sinh ngày 22/11/2018 cho bà Phạm Thị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lâm Thanh P có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Lâm Phạm Yến N, sinh ngày 22/11/2018 mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày Tòa án ra quyết định cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Lâm Thanh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con nếu cần thiết.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định

tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lâm Thanh P nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); bà Phạm Thị Lan A nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034304 ngày 26/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP.Thủ Dầu Một;
- UBND xã X, thành phố C, tỉnh Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Nga